TUẦN 20

Tiết 1: Tiếng Việt ( tăng)

**Luyện tập về so sánh. Từ chỉ đặc điểm**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cho HS về biện pháp so sánh và từ chỉ đặc điểm.

- HS nhận biết đúng hình ảnh so sánh, các sự vật được so sánh, từ so sánh. Phân biệt được các kiểu so sánh. Nhận biết đúng các từ chỉ đặc điểm.

- Biết sử dụng các từ chỉ đặc điểm để đặt câu. Vận dụng đặt câu có hình ảnh so sánh phù hợp.

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển năng lực tự học và giải quyết các bài tập.

- Tự tin trong học tập, làm việc nhóm có hiệu quả.

**3. Phẩm chất.**

- HS chăm học, chăm làm; yêu thích đọc sách; yêu các sự vật xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Bảng phụ (ghi đề bài tập)

HS: Vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Các em đã được học những kiểu so sánh nào?  - Yêu cầu HS lấy ví dụ từng kiểu.  - Nêu các từ chỉ sự so sánh ngang bằng, chỉ so sánh hơn kém.  *- GV chốt kiến thức về 2 kiểu so sánh :*  *+ So sánh ngang bằng thường có các từ so sánh: như, giống như, là, tựa...*  *+ So sánh hơn kém thường có các từ so sánh : hơn, kém, chẳng bằng...*  - Yêu cầu HS nêu nối tiếp các từ chỉ đặc điểm.  + Thế nào là từ chỉ đặc điểm?  *- KL: Từ chỉ đặc điểm là từ chỉ màu sắc, kích thước, hình dáng, tính nết, phẩm chất...* | - So sánh ngang bằng và so sánh hơn kém.  - HS nêu ví dụ.  - HS nêu.    - HS nối tiếp nhau mỗi em nêu 1 từ.  - Là những từ dùng để miêu tả hình dáng, màu sắc, kích thước, tính nết, phẩm chất... | |
| **2. Luyện tập** |  | |
| **Bài 1:** Ghi lại các hình ảnh so sánh trong đoạn văn, khổ thơ sau và cho biết chúng thuộc kiểu so sánh nào? ( BP)  a. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng.  b.Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.  c. Anh em xa không bằng láng giềng gần. | - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS trao đổi làm bài theo nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét, bổ sung | |
| GV chốt kết quả đúng:   |  |  | | --- | --- | | Hình ảnh so sánh | Kiểu so sánh | | a, Cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ.  Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.  Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh .  b, Tốt gỗ hơn tốt nước sơn  c, Anh em xa không bằng láng giềng gần.  *\*GV chốt : Có 2 kiểu so sánh là so sánh ngang bằng và so sánh hơn kém.* | - ngang bằng  - ngang bằng  - ngang bằng  - hơn kém  - hơn kém | | | |
| **Bài 2:** Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong từng câu dưới đây để tạo ra hình ảnh so sánh.  a, Ở chân trời phía đông, mặt trời mới mọc đỏ như …..  b, Đêm trung thu, mặt trăng tròn vành vạnh như…  c, Trong buổi liên hoan văn nghệ, Lan hát hay hơn….  - GV khuyến khích HS tìm được nhiều từ khác nhau để tạo ra những hình ảnh so sánh khác nhau.  *\*GV chốt:Củng cố cách tìm sự vật để so sánh phù hợp.* | | - HS đọc đề bài, nêu yêu cầu bài.  - HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.  - Nhận xét.  VD đáp án:  a, Ở chân trời phía đông, mặt trời mới mọc đỏ như một quả cầu lửa.  b, Đêm trung thu, mặt trăng tròn vành vạnh như một chiếc đĩa vàng.  c, Trong buổi liên hoan văn nghệ, Lan hát hay hơn Mai nhiều. |
| **Bài 3:** Đọc đoạn văn sau và ghi lại những từ chỉ đặc điểm .(BP)  Đi khỏi dốc đê đầu làng, tự nhiên Minh cảm thấy rất khoan khoái dễ chịu. Minh dừng lại hít một hơi dài. Hương sen thơm mát từ cánh đồng đưa lên làm dịu cái nóng ngột ngạt của trưa hè.  Trước mặt Minh, đầm sen rộng mênh mông. Những bông sen trắng, sen hồng khẽ đu đưa nổi bật trên nền lá xanh mượt.  *- Chốt các từ chỉ đặc điểm: trắng, hồng, xanh mượt, khoan khoái, dễ chịu, dài, thơm mát, dịu, ngột ngạt, rộng, mênh mông, khẽ* | | - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài cá nhân, 1 HS lên bảng gạch chân dưới các từ so sánh |
| **3. Vận dụng** | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4:**Đặt câu có hình ảnh so sánh để miêu tả về  Mắt Bác Hồ.  Mặt biển.  - YCHS đặt câu có hình ảnh so sánh phù hợp, tìm từ chỉ đặc điểm trong câu vừa đặt.  - Nhận xét, chốt câu đúng. Củng cố về biện pháp so sánh.  - Nhận xét tiết học. Nhắc HS chuẩn bị bài sau. | - HS đọc đề bài.  - HS đặt câu, ghi lại câu của mình.  - Một số HS đọc câu trước lớp, nêu từ chỉ đặc điểm trong câu vừa đặt (nếu có) |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

Tiết 2: Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập về so sánh. Dấu ngoặc kép**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố về biện pháp so sánh và cách dùng dấu ngoặc kép. HS xác định đúng các sự vật được so sánh với nhau; nắm vững tác dụng của dấu ngoặc kép, cách dùng dấu ngoặc kép (Dấu ngoặc kép dùng để chỉ ranh giới của một lời nói được thuật lại trực tiếp).

- HS vận dụng những hiểu biết đã học để đặt câu có hình ảnh so sánh và dùng dấu ngoặc kép trong khi viết.

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển các năng lực tự phục vụ, tự quản; tự học và giải quyết vấn đề; NL ngôn ngữ.

**3. Phẩm chất.**

- Phát triển các phẩm chất: Chăm học, chăm làm; yêu thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Bảng phụ (ghi đề BT)

HS: Vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động.**  - Nói 1 câu có hình ảnh so sánh.  - Có mấy kiểu so sánh đã học?  - Dựa vào điều gì để phân biệt kiểu so sánh.  - So sánh có tác dụng gì?  - Dấu ngoặc kép thường được dùng để làm  gì ?  - Khi nào dấu ngoặc kép được dùng độc lập ? Khi nào dấu ngoặc kép được dùng phối hợp với dấu hai chấm ? Cho ví dụ.  KL: + Dấu ngoặc kép dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hay của người được câu văn nhắc tới (Nếu lời nói trực tiếp là một câu trọn vẹn hay một đoạn thì trước dấu ngoặc kép ta phải thêm dấu hai chấm).  + Dấu ngoặc kép còn được dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt. | - Một số HS nói trước lớp.  - Có 2 kiểu so sánh: So sánh ngang bằng và so sánh hơn kém.  - Dựa vào từ so sánh.  - HS nêu.  - Để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật; để đánh dấu 1 câu được trích nguyên văn. .  - 2 HS nêu.  - 1 em nhắc lại trước lớp  \*HS nêu ví dụ.  - HS nhận xét. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.Luyện tập**  **Bài 1:** Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn sau:  a. Trăng tròn như mắt cá  Chẳng bao giờ chớp mi.  b. Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.  c. Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.  d. Từng chùm khế lúc lỉu trên cành, ẩn hiện qua vòm lá xanh như những cái đèn lồng nhỏ xinh. | |
| - GV gọi học sinh nêu yêu cầu của bài.  - Y/c học sinh thảo luận theo nhóm đôi. | - 1-2 HS đọc YC  Thảo luận theo cặp đôi  - HS làm bài vào vở.  - 3HS lần lượt lên bảng làm.  Đáp án:  a. Trăng tròn như mắt cá  Chẳng bao giờ chớp mi.  b. Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.  c. Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng .  d. Từng chùm khế lúc lỉu trên cành, ẩn hiện qua vòm lá xanh như những cái đèn lồng nhỏ xinh. |
| \*GV chốt: nhận xét, chốt đáp án đúng. Củng cố cách xác định các sự vật được so sánh. |  |
| **Bài 2:** Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong từng câu sau: (bảng phụ)  a, Rồi Bác ân cần dặn mọi người: “ Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.  b, Tục ngữ có câu: “Của một đồng công một nén”.  c, Cậu ấy học “tốt” nhất lớp tính từ dưới lên. | |
| - Cho HS nêu, GV nhận xét, chốt lời giải đúng. | - HS đọc và nêu tác dụng trong từng trường hợp  *Đáp án: + Dấu ngoặc kép (a) dẫn lời nói trực tiếp*  *+ Dấu ngoặc kép (b) dẫn câu trích nguyên văn.*  *+ Dấu ngoặc kép (c) là đánh dấu từ có ý nghĩa đặc biệt, thể hiện ý mỉa mai.* |
| \*GV chốt: *Chốt tác dụng dấu ngoặc kép* |  |
| **Bài 3:** Ghi dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp trong các câu sau.  a) Trời vừa tạnh, một chú Ễnh Ương ngồi vắt vẻo trên một bụi cây thích thú gào toáng lên: Đẹp ! Đẹp! rồi nhảy tòm xuống nước.  b) Bãi cát ở Cửa Tùng từng được ngợi ca là Bà Chúa của các bãi tắm. | |
| - YC HS làm bài rồi h/d chữa bài  - Chốt đáp án đúng. | - HS trao đổi nhóm đôi  - 2 HS chữa hai phần;  \*Giải thích lí do điền dấu ngoặc kép trong trường hợp đó.  a. “Đẹp! Đẹp!”  b.“Bà Chúa” |
| GV chốt: Củng cố về tác dụng của dấu ngoặc kép (dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật, đánh dấu từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt). |  |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4:** Em hãy viết 2,3 câu miêu tả vườn cây nhà em vào buổi sáng, trong đó có câu sử dụng hình ảnh so sánh. |  |
| - Gọi HS nêu yêu cầu của bài  - Y/c học sinh viết vào vở, đọc bài trước lớp,  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS nêu yêu cầu .  - HS làm bài. HS viết vào vở  - Đọc bài trước lớp.  - Nhận xét |
| GV chốt: *Củng cố cách viết câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh.* |  |
| - GV nhận xét giờ học. Dặn HS có ý thức sử dụng đúng dấu câu khi viết. | - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

-----------------------------------------------------------------------------------------------------

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Viết về cảnh đẹp địa phương**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Biết nói, viết về cảnh đẹp địa phương (hoặc nơi mình đang ở) theo gợi ý. Bài viết đủ ý dùng từ đặt câu đúng. Biết dùng một số từ ngữ gợi tả hoặc hình ảnh so sánh để bộc lộ tình cảm với quê hương.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, tự giác viết bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia nói, viết, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách viết của bạn.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc. Hoà đồng với mọi người.

- Yêu nước: Yêu quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG dạy học**

- GV: Ti vi

- HS: Vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Khởi động:**

- Cho HS hát, múa bài Quê hương.

|  |  |
| --- | --- |
| - Quê hương em có những cảnh đẹp nào?  - Nói, viết về 1 cảnh đẹp nào đó của quê hương em cần nói những gì?  - Nhận xét, tuyên dương HS  **2. Luyện tập.**  1. Đề bài: Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về cảnh đẹp về địa phương của em.  - GV gợi ý một số cảnh đẹp qua tranh, ảnh | - HS nêu có dòng sông quê, có những vườn vải, quất xanh rì; có cánh đồng lúa rộng thẳng cánh cò bay,...  - Cần nói đúng về cảnh đẹp, đủ ý (Đó là cảnh đẹp nào? Cánh đó có gì đặc biệt? Em có cảm nghĩ gì vế cảnh đẹp đó), dùng từ ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh so sánh, bộc lộ tình cảm của mình với quê hương.  - HS đọc đề bài.  - HS quan sát |
| - YCHS vận dụng bước 1 của quy tắc bàn tay để xác định nội dung và tìm ý để viết đoạn văn.  2. Gợi ý để HS nói trước lớp  a. Cảnh đẹp em muốn viết là cảnh nào? Ở đâu?  b. Cảnh đó có gì đặc biệt? Cảnh vật đó có gì đáng nhớ?  d. Cảm nhận của em về cảnh đẹp đó.  3. Chuyển ý thành đoạn văn  - HS dựa vào dàn ý, viết bài giới thiệu về cảnh đẹp quê hương của mình. | - HS nhắc lại bước 1, 2 của quy tắc bàn tay; thảo luận để tìm ý.  - Nhiều HS nói trước lớp.  - Cánh đồng/ dòng sông/ vườn vải,...  - Đẹp, thơ mộng,gắn với kỉ niệm tuổi thơ...  - Yêu, tự hào, luôn muốn ngắm nhìn  - HS viết có từ 7 đến 8 câu, diễn đạt rõ ràng, lưu loát, thể hiện rõ kỉ niệm sự gắn bó của mình với cảnh đẹp quê hương |

GV đọc đoạn mẫu cho HS tham khảo.

Quê hương em có rất nhiều cảnh đẹp nhưng em thích nhất vẫn là cánh con sông Thái Bình quanh năm yên ả. Từ trên triền đê nhìn xuống dòng sông mềm mại như một dải lụa, từng làn gió nhẹ đưa từng lớp sóng vỗ lăn tăn vào bờ cát. Mỗi buổi chiều hè, bố thường đưa em ra ven sông chơi, bố còn dạy em tập bơi nữa. Ngắm nhìn dòng sông em thấy quê mình thật đẹp. Em yêu và tự hào về quê hương mình rất nhiều.

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Vận dụng**  - Hướng dẫn HS nói 1,2 câu về quê hương mình.  - Nhận xét tiết học. | - HS nói câu của mình về quê hương. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….